TÒA ÁN NHÂN DÂN TP THÁI NGUYÊN **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 09/5/2024
Về việc ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN- TỈNH THÁI NGUYÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*** Thẩm phán, chủ toạ phiên toà:** Bà Nguyễn Thị Tứ Xuân

*** Các hội thẩm nhân dân:** 1. Ông Lê Đình Hiệp

2. Bà Trần Thanh Vân

* **Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà:** Bà Phan Thị Ngọc Huyền - Cán bộ Toà án nhân dân thành phố Thái Nguyên - tỉnh Thái Nguyên.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên**: Bà Diệp Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 09/5/2024, tại Hội trường Toà án nhân dân thành phố Thái Nguyên tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 166/TLST - HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2024 về việc "ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2024/QĐXX- ST ngày 22/4/2024 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn: Chị Phạm Thị H, sinh năm 1974**. Có mặt

HKTT và nơi ở: Tổ 8, phường CG, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên

*** Bị đơn: Anh Nguyễn Hồng Q, sinh năm 1971**. Có đơn xin xét xử vắng mặt

HKTT: Tổ 8, phường CG, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên

Hiện đang chấp hành án tại Trại giam Phú Sơn 4, Bộ Công an

NỘI DUNG VỤ ÁN

***Theo đơn xin ly hôn, các bản khai và tại phiên tòa chị Phạm Thị H trình bày*:** Chị và anh Nguyễn Hồng Q kết hôn năm 1993 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND CG, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên. Sau khi kết hôn anh chị sống tại nhà gia đình chồng tại Tổ 8, phường CG, thành phố TN. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc và có con chung là Nguyễn Anh T, sinh ngày 20/9/1994. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và không có tiếng nói chung, không có sự quan tâm chia sẻ với nhau. Đến tháng 6/2023 thì mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng nên vợ chồng chị đã ly thân từ đó đến nay. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Q.

Về con chung: Chị H khai vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Anh T, sinh ngày 20/9/1994. Do cháu T đã trưởng thành nên không đề nghị Tòa án

giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Công nợ chung không có, tài sản chung tự thỏa thuận không đề nghị giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Hồng Q tại bản tự khai và biên bản hòa giải trình bày: Anh Q công nhận lời khai của Chị H về thời gian kết hôn là đúng. Vợ chồng anh ly thân từ tháng 6/2023 nguyên nhân do Chị H đi qua đêm không về nhà, lúc đó anh cho rằng Chị H đã có người đàn ông khác nên đã tát Chị H. Thời gian sau đó Chị H đi làm ăn không về nhà nên hai vợ chồng anh ly thân. Tuy nhiên, anh xác định vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, bản thân anh vẫn còn tình cảm với vợ nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung, anh Q khai có 01 con chung là Nguyễn Anh T, sinh ngày 20/9/1994. Do cháu Tuấn đã trưởng thành không đề nghị Tòa án giải quyết.

Công nợ chung vợ chồng không có. Tài sản chung: anh Q khai trước khi Chị H làm đơn ly hôn đã bán hai ngôi nhà ở khu đô thị CoSy, Gia Sàng được hai tỷ đồng và 01 mảnh đất ở Sông Công, ngoài ra khi anh đi chấp hành án Chị H còn bán 01 xe ô tô. Đối với phần tài sản chung anh sẽ có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết trong một vụ án khác.

Sau khi khi thụ lý vụ án, Toà án đã tiến hành triệu tập, đồng thời tiến hành hòa giải nhưng không thành. Vì vậy, vụ án phải được đưa ra xét xử ngày hôm nay. Trong phần tranh tụng, Chị H giữ nguyên quan điểm khởi kiện là đề nghị được ly hôn với anh Q. Về con chung là Nguyễn Anh T, sinh ngày 20/9/1994 đã trưởng thành không đề nghị Tòa án giải quyết. Công nợ chung không có, tài sản chung tự thỏa thuận không đề nghị giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào Điều 21; Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Về tố tụng: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định về thẩm quyền của mình theo Điều 48 BLTTDS; Tuân thủ quy định về trình tự, tố tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của BLTTDS. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71, 72 BLTTDS.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phạm Thị H, cho Chị H được ly hôn với anh Nguyễn Hồng Q. Về con là Nguyễn Anh T đã trên 18 tuổi nên không giải quyết. Công nợ chung không có, tài sản chung tự thỏa thuận không đề nghị giải quyết. Buộc Chị H nộp án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đều đang cư trú tại thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên. Căn cứ Điều 28; Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên là đúng quy định. Anh Q có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ

Khoản 1 Điều 227 BLTTDS, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn. Các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cho Tòa án đều đảm bảo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Hồng Q là hợp pháp. Quá trình chung sống Chị H và anh Q phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, anh chị ly thân từ tháng 6/2023 đến nay. Chị H xác định không còn tình cảm với anh Q mâu thuẫn vợ chồng đã ở mức trầm trọng và đề nghị được ly hôn với anh Q. Anh Q xác định vợ chồng có cãi vã, mâu thuẫn và ly thân từ tháng 6/2023 nhưng anh không đồng ý ly hôn vì vẫn còn tình cảm với vợ. Tại phiên tòa, Chị H xác định mâu thuẫn vợ chồng đã ở mức trầm trọng, anh Q lại đang chấp hành án về tội "cố ý gây thương tích" nên chị giữ nguyên quan điểm khởi kiện, đề nghị được ly hôn với anh Q. Như vậy, có thể khẳng định mâu thuẫn vợ chồng giữa Chị H và anh Q đã ở mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc Chị H đề nghị ly hôn là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình nên chấp nhận.

3. Về con chung: Chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Hồng Q có 01con chung là cháu Nguyễn Anh T, sinh ngày 20/9/1994 Xét con chung đã trên 18 tuổi nên không giải quyết.

4. Về tài sản chung, công nợ chung: Công nợ chung không có. Về tài sản chung, Chị H đề nghị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh Q trong quá trình hòa giải khai, trước khi Chị H làm đơn ly hôn đã bán hai ngôi nhà ở khu đô thị CoSy, Gia Sàng được hai tỷ đồng và 01 mảnh đất ở Sông Công, ngoài ra khi anh đi chấp hành án Chị H còn bán 01 xe ô tô. Do anh đang chấp hành án nên sẽ có đơn đề nghị giải quyết vấn đề tài sản chung trong một vụ án khác. Hội đồng xét xử thấy, do các đương sự không đề nghị nên không giải quyết phần tài sản chung trong vụ án này.

5. Về án phí: Chị H phải nộp án dân sự sơ thẩm vào ngân sách nhà nước.

Xét ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về nội dung vụ án là có căn cứ chấp nhận. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 28; Điều 35, Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 227 BLTTDS năm 2015. Áp dụng Điều 56; 57 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Luật phí và lệ phí năm 2016; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phạm Thị H. Cho chị Phạm Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Hồng Q.

2. Về con chung: Con chung Nguyễn Anh T, sinh ngày 20/9/1994 đã trên 18 tuổi nên không giải quyết.

3. Về tài sản chung, công nợ chung: Công nợ chung không có, tài sản chung không giải quyết do các đương sự không yêu cầu.

4. Án phí: Chị Phạm Thị H phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm sung quỹ nhà nước được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí sang theo biên lai thu số 0002669 ngày 27/3/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND TP. Thái Nguyên ;
- Chi cục THADS TP. Thái Nguyên;
- UBND nơi NĐ, BĐ cư trú;
- Các ĐS;
- Lưu.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Tứ Xuân